

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09/8/2021

V/v: “Không công nhận quan  
hệ vợ chồng”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ , TỈNH BẮC GIANG**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Đăng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Ngô Phiên

Ông Lục Viết Sang

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế , tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình D - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2021 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Đào Văn H , sinh năm 1971

- Bị đơn: bà Vương Thị N, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Thôn TT, xã T1, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. (ông H và bà N đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ông Đào Văn H trình bày:* ông và bà Vương Thị N chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật, mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2019 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do

bất đồng quan điểm sống, hai bên không tôn trọng lẫn nhau, không thể hòa hợp được nữa. Nay tình cảm giữa ông và bà N không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là chị Đào Hải Y, sinh ngày 14/7/1991 và anh Đào Văn D, sinh ngày 03/3/1993. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành và đã kết hôn có gia đình riêng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: ông không yêu cầu giải quyết.

- *Tại các lời khai trong hồ sơ vụ án, bị đơn là bà Vương Thị N trình bày:* bà và ông Đào Văn H có được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2019 thì ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay ông H đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: ông bà có hai con chung là Đào Hải Y, sinh ngày 14/7/1991 và Đào Văn D, sinh ngày 03/3/1993, các anh chị đều trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không đề nghị Tòa giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ: bà không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản xác minh đối với công chức tư pháp hộ tịch xã T1, huyện Yên Thế cho biết: Qua tra cứu sổ sách được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T1 thì không có tài liệu nào xác định việc ông Đào Văn H có đăng ký kết hôn với bà Vương Thị N.

Tại phiên tòa ông H giữ nguyên yêu cầu, bà N giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Đào Văn H và bà Vương Thị N là vợ chồng. Buộc ông phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: ông H nộp đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng với bà N, cư trú tại thôn TT, xã T1, huyện Yên Thế. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế thụ lý giải quyết vụ án “không công nhận quan hệ vợ chồng” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông H, bà N chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn do vậy đây là hôn nhân không hợp pháp vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống tình cảm giữa ông bà thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai bên không tôn trọng nhau. ông H, bà N sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay ông H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà N. Xét thấy ông H, bà N chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn và ly thân, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay, ông H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000. HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà N.

[3] Về con chung, tài sản, công nợ: ông H và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: ông Đào Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm b, c mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2010 của Quốc hội;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đào Văn H với bà Vương Thị N.

2. Về con chung, tài sản, công nợ: Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí: ông Đào Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004752 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận ông H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thế Đăng**